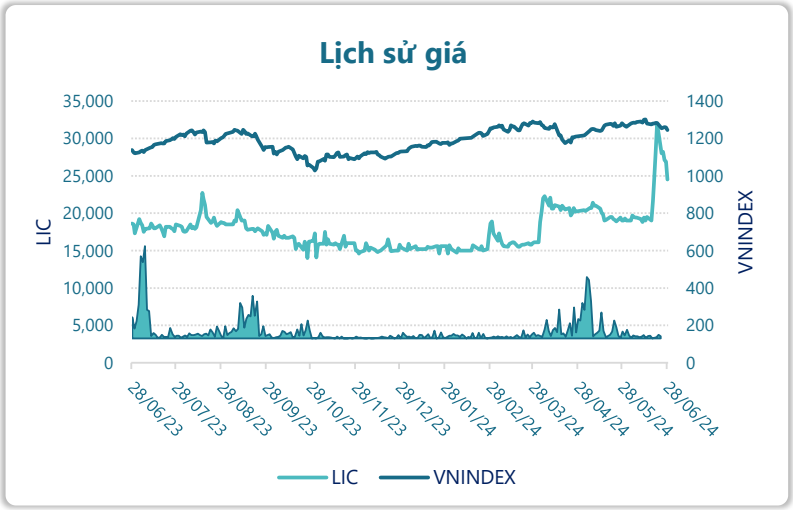
FireAnt

Tổng Công ty Licogi - CTCP (UPCOM: LIC)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**24,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,000
SL cổ phiếu LH	90,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35,465
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,205
P/E	164.2
EPS	149

DT thuần

Q2/24

526

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 192| 57.4%

YoY: ▲ 14.0| 2.7%

LN sau thuế

Q2/24

-17.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.50| 12.5%

YoY: ▲ 1.80| 9.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

5.0%

+/- YoY: ▼ 2.0%

DT thuần

6T 2024

860

tỷ VNĐ

YoY: ▼40.0| -4.5%

LN sau thuế

6T 2024

-36.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.80| 13.6%

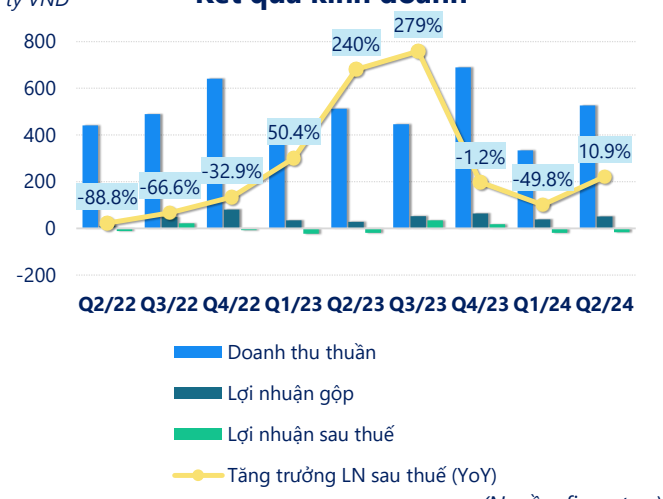
ROE

Q2/24

3.6%

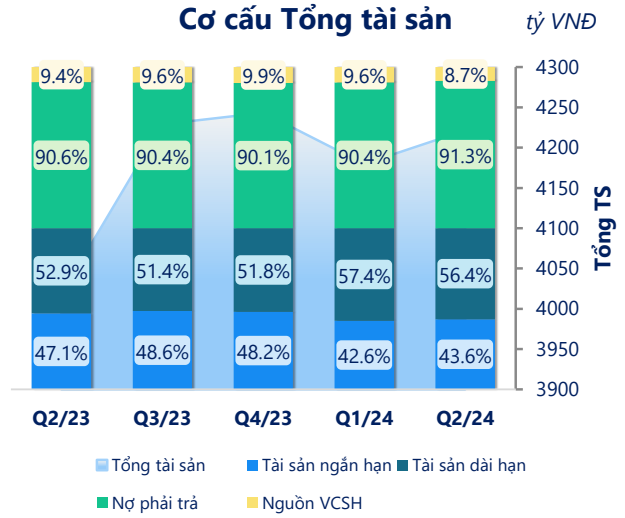
+/- YoY: ▲ 11.5%

Kết quả kinh doanh



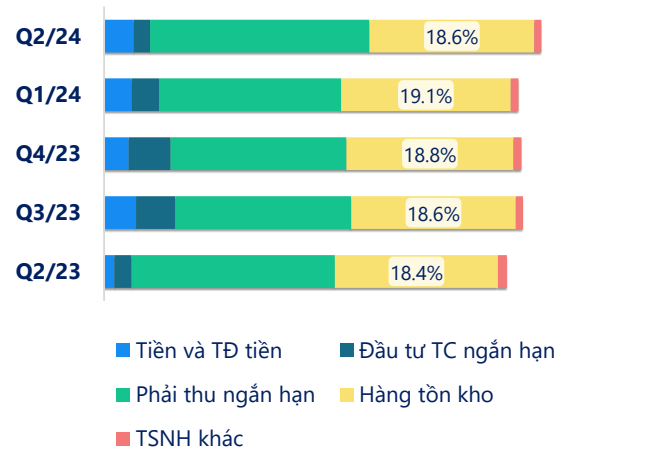
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



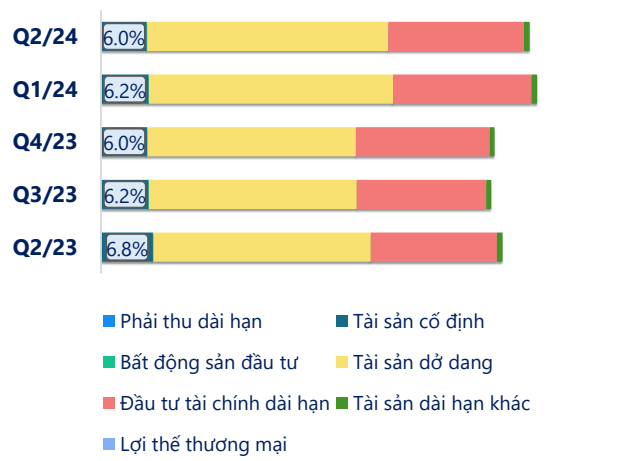
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



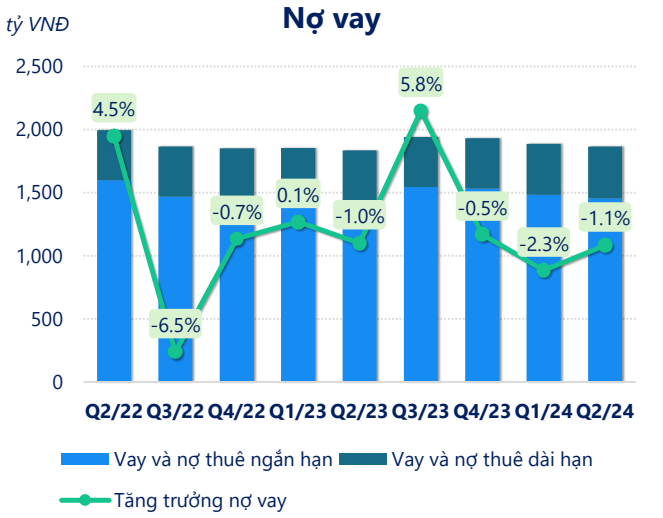
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



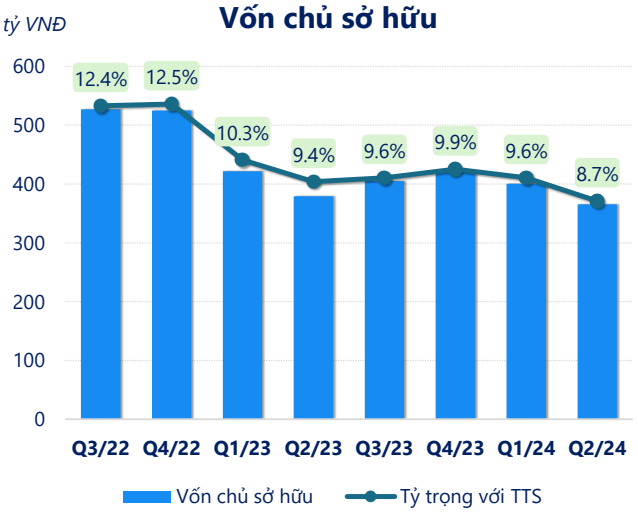
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



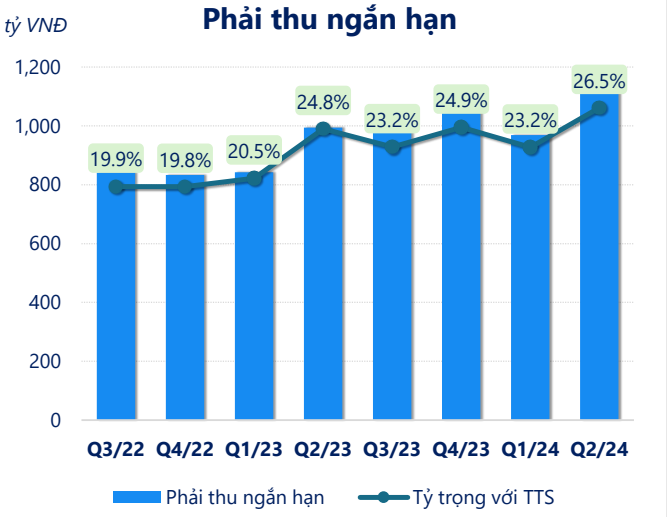
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



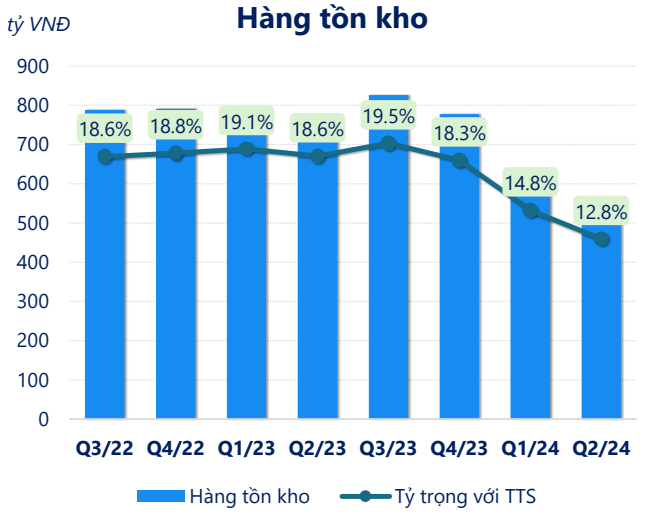
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



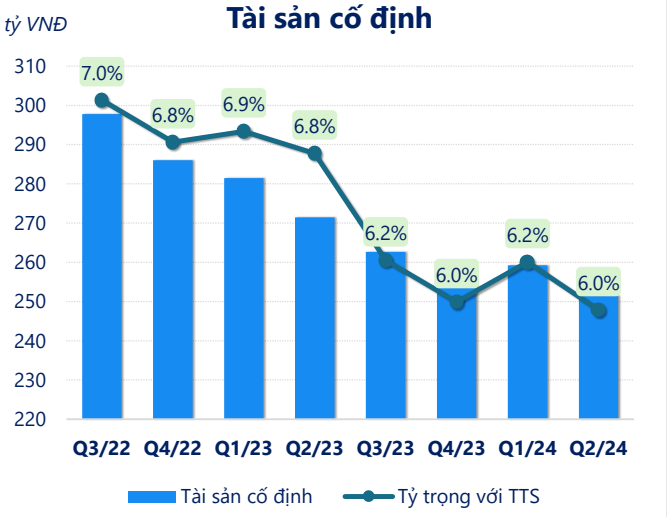
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



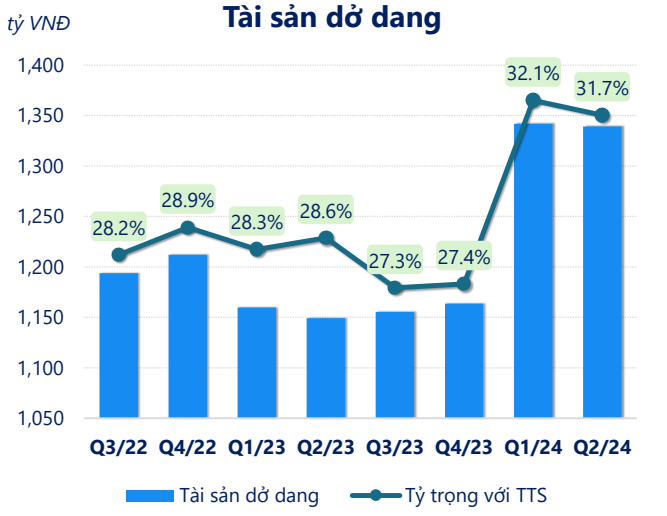
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



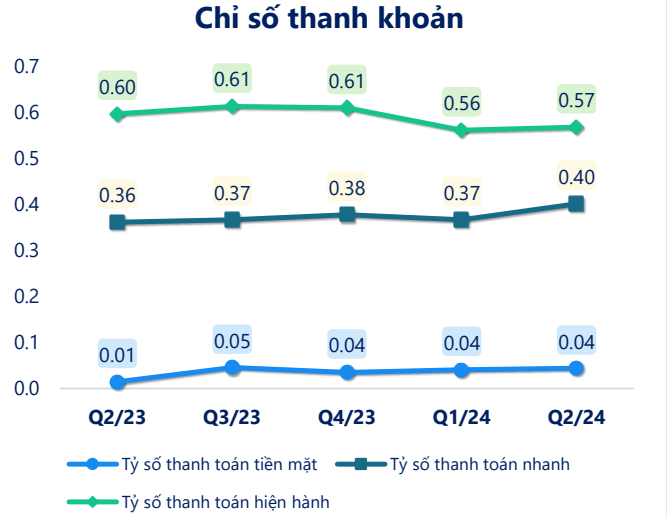
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



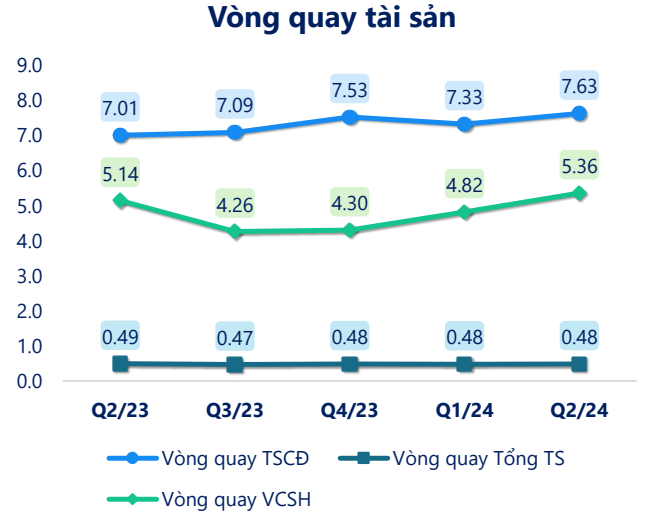
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**4,018**	**4,229**	**4,243**	**4,180**	**4,221**
Tài sản ngắn hạn	**1,894**	**2,057**	**2,044**	**1,781**	**1,839**
Tiền và tương đương tiền	46.1	153	117	130	142
Đầu tư tài chính ngắn hạn	73.6	58.8	56.2	24.0	4.30
Phải thu ngắn hạn	995	981	1,055	969	1,120
Hàng tồn kho	748	826	778	618	539
Tài sản ngắn hạn khác	32.0	37.4	37.8	40.0	34.0
Tài sản dài hạn	**2,124**	**2,172**	**2,199**	**2,399**	**2,382**
Phải thu dài hạn	2.81	1.68	1.81	1.81	2.00
Tài sản cố định	271	263	255	259	251
Bất động sản đầu tư	4.02	4.02	4.02	4.02	4.02
Tài sản dở dang	1,149	1,155	1,164	1,342	1,339
Đầu tư tài chính dài hạn	668	721	747	762	754
Tài sản dài hạn khác	28.4	27.7	27.8	30.6	31.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,639**	**3,823**	**3,822**	**3,779**	**3,856**
Nợ ngắn hạn	**3,171**	**3,354**	**3,351**	**3,171**	**3,239**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,440	1,545	1,532	1,484	1,455
Phải trả người bán ngắn hạn	578	587	691	598	607
Nợ dài hạn	468	469	472	608	617
Vay và nợ thuê dài hạn	395	396	399	402	410
Nguồn vốn chủ sở hữu	**379**	**405**	**421**	**400**	**366**
Vốn chủ sở hữu	**379**	**405**	**421**	**400**	**366**
Vốn điều lệ	900	900	900	900	900
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)